

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 112/2023/DS-ST
Ngày 13-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Ngọc Bình.
- Bà Nguyễn Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Trà My - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Hải T, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Cây E, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị C (Út T1), sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Nguyễn Hải P, sinh năm 1989 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Hải T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Cậy E có tham gia 02 dây hội tháng do bà làm chủ hội, cụ thể:

- Dây thứ nhất, hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/4/2019 âm lịch (mãn hội ngày 20/02/2022 âm lịch), có 36 phần, bà E tham gia 01 phần. Bà E hót hội kỳ thứ 12 ngày 20/4/2020 âm lịch, sau đó đóng hội chết đến kỳ thứ 31 thì ngưng không đóng nữa, kỳ thứ 32 thì bề hội, bà E còn nợ 05 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ = 10.000.000 đồng.

Giấy giao hội ngày 20/5/2019 bà cung cấp là giấy bà giao tiền hội cho bà Cậy E nhưng trước khi giao tiền hội bà đã đóng thay bà C1 Em 04 kỳ trước đó.

- Dây thứ hai, hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/01/2021 âm lịch (mãn hội ngày 10/01/2024 âm lịch), có 37 phần. Hội này Cậy C2 (ông Nguyễn Hải P) tham gia 01 phần, đã đóng được 02 kỳ, sau đó nhường lại cho tôi, tôi nhường cho bà E chơi. Đến kỳ thứ 03, bà E không hót được nên bán cho Nguyễn Thị C (Ú). Bà đã giao cho bà Cậy E 48.500.000 đồng. Bà E đã đóng hội chết đến kỳ thứ 10 thì ngưng không đóng nữa. Bà E còn nợ 27 kỳ x 2.000.000 đồng = 54.000.000 đồng.

Giấy hội khai ngày 10/01/2021 âm lịch hiện bà không còn giữ bản chính, bà chỉ có bản photo cung cấp cho Tòa án.

Bà xác định chữ ký C1 và chữ viết họ tên Nguyễn Thị C3 tại giấy giao hội ngày 10/3/2021 âm lịch là chữ ký và chữ viết họ tên của bà Cậy E, chữ viết trong giấy là do bà viết. Bà không yêu cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết họ tên của bà Cậy E tại Giấy giao hội ngày 10/3/2021 âm lịch.

Bà đã đóng choàng cho bà E hai dây hội trên tổng cộng số tiền 64.000.000 đồng.

Bà Phan Hải T yêu cầu bà Nguyễn Thị Cậy E phải trả lại cho bà số tiền hội bà đã đóng choàng cho bà E 02 dây hội là 64.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Cậy E trình bày:*

Bà có tham gia dây hội thứ nhất, do bà T (Bảy Ó) làm chủ hội, hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/4/2019 âm lịch (mãn hội ngày 20/02/2022 âm lịch), bao nhiêu phần thì bà không nhớ, bà tham gia 01 phần. Bà hót hội kỳ thứ mấy thì bà không nhớ, sau đó đóng hội chết đến khi bề hội thì ngưng không đóng nữa, bà còn nợ 02 kỳ hội chết là 4.000.000 đồng.

Dây thứ hai, hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/01/2021 âm lịch (mãn hội ngày 10/01/2024 âm lịch), có 37 phần. Hội này Cậy C2 (ông Nguyễn Hải P) tham gia 01 phần, đã đóng được 02 kỳ, sau đó nhường lại cho bà T, bà T nhường cho bà chơi. Đến kỳ thứ 4, bà không hót được nên bán cho Nguyễn Thị C (Ú), bà T giao tiền cho bà 47.100.000 đồng, sau khi đã trừ 1.000.000 đồng tiền hoa hồng cho

bà T. Bà đã đóng hội chết đến kỳ thứ 10 thì ngưng không đóng nữa. Bà còn nợ 27 kỳ hội chết, mỗi kỳ hội chết đúng ra là 2.000.000 đồng. Bà xin trả vốn các kỳ hội này, mỗi kỳ 1.000.000 đồng là 27.000.000 đồng.

Bà xác định chữ ký C3 và chữ viết họ tên Nguyễn Thị C3 tại giấy giao hội ngày 10/3/2021 âm lịch không phải là chữ ký và chữ viết họ tên của bà. Do điều kiện kinh tế bà khó khăn nên bà không yêu cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết họ tên của bà tại Giấy giao hội ngày 10/3/2021 âm lịch.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà chỉ đồng ý trả cho bà T 31.000.000 đồng, gồm 04 kỳ hội chết của dây hội thứ nhất là 4.000.000 đồng và 27.000.000 đồng tiền vốn của 27 kỳ hội chết dây hội thứ hai.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Bà có tên thường gọi ở nhà là Út T1. Dây hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/01/2021 âm lịch (mãn hội ngày 10/01/2024 âm lịch), có 37 phần. Hội này Cậu C2 (ông Nguyễn Hải P) tham gia 01 phần, đã đóng được 02 kỳ, sau đó nhường lại cho bà T, bà T nhường cho bà E chơi. Đến kỳ thứ 4, bà E không hót được nên bán cho bà. Đến kỳ thứ 6 thì bà hót hội, số tiền hót hội thì bà không nhớ nhưng bà có ký tên nhận tiền vào giấy hội của bà T.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hải P trình bày:*

Ông là con ruột của bà Phan Hải T. Ông có tham gia dây hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/01/2021 âm lịch (mãn hội ngày 10/01/2024 âm lịch), có 37 phần. Ông tham gia 01 phần, đã đóng được 02 kỳ, sau đó nhường lại cho bà T, bà T nhường cho bà C3 Em chơi, còn việc tham gia chơi của bà Cậu E như thế nào thì ông không rõ.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bà T xác định dây hội khai ngày 20/4/2019 âm lịch bà E đóng hội chết đến kỳ thứ 32 thì ngưng không đóng nữa, bà E còn nợ 04 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ = 8.000.000 đồng. Đồng thời, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hội 60.000.000 đồng, bà T tự nguyện căn trừ số tiền hội trước đây bà còn nợ bà E là 2.000.000 đồng.

Bà E thừa nhận dây hội khai ngày 20/4/2019 âm lịch bà E đóng hội chết đến kỳ thứ 32 thì ngưng không đóng nữa, bà E còn nợ 04 kỳ hội chết, mỗi kỳ hội chết là 2.000.000 đồng nhưng bà xin trả vốn mỗi kỳ 1.000.000 là 4.000.000 đồng. Bà E chỉ đồng ý trả bà T số tiền tổng cộng là 31.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm

phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đương sự thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả 58.000.000 đồng tiền nợ hui, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Phan Hải T yêu cầu bà Nguyễn Thị Cậy E phải trả lại cho bà số tiền hui là 64.000.000 đồng. Ngoài ra các đương sự không có yêu cầu gì khác. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng góp hui” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị C3 Em cư trú tại ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hải P có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[1.4] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hui là 60.000.000 đồng. Việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của bà T yêu cầu bà E trả 05 kỳ hui chết là 10.000.000 đồng đối với dây hui khai ngày 20/4/2019 âm lịch, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà T trình bày bà là chủ hội của dây hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/4/2019 âm lịch (mãn hội ngày 20/02/2022 âm lịch), bà E tham gia 01 phần. Bà E thừa nhận bà có tham gia 01 phần trong dây hội này. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định giữa bà T và bà E có xác lập hợp đồng góp hội đối với dây hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/4/2019 âm lịch (mãn hội ngày 20/02/2022 âm lịch). Đây là hợp đồng góp hội bằng tiền, có lãi theo quy định tại Điều 21 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

Bà T xác định dây hội gồm 36 kỳ, bà E hót hội kỳ thứ 12 ngày 20/4/2020 âm lịch, sau đó đóng hội chết đến kỳ thứ 32 thì ngưng không đóng nữa nên bà E còn nợ 04 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ = 8.000.000 đồng. Bà E thừa nhận còn nợ 04 kỳ hội chết đối với dây hội này, mỗi kỳ hội chết là 2.000.000 đồng. Do đó bà E có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 02 kỳ hội chết x 2.000.000 đồng/kỳ = 4.000.000 đồng là phù hợp quy định tại các Điều 16, Điều 17 và Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

[2.2] Xét yêu cầu của bà T yêu cầu bà E trả 27 kỳ hội chết là 54.000.000 đồng đối với dây hội khai ngày 10/01/2021 âm lịch:

Bà T, ông P, bà C và bà E thống nhất xác định dây hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/01/2021 âm lịch (mãn hội ngày 10/01/2024 âm lịch), có 37 phần. Hội này ông P (Câu Cu) tham gia 01 phần, đã đóng được 02 kỳ, sau đó nhường lại cho bà T, bà T nhường cho bà E chơi. Đến kỳ thứ 4, bà E không hót được nên bán cho Nguyễn Thị C (Ú), bà T giao tiền cho bà E. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 9 và Điều 10 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, Hội đồng xét xử xác định giữa bà T và bà E có xác lập hợp đồng góp hội đối với dây hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/01/2021 âm lịch, bà E đã hót hội vào kỳ thứ 4 và nhận đủ tiền hội. Đây là hợp đồng góp hội bằng tiền, có lãi theo quy định tại Điều 21 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

Theo thỏa thuận của chủ hội và các hội viên thì dây hội khai ngày 10/01/2021 âm lịch đến ngày 10/01/2024 âm lịch mới mãn hội. Tuy nhiên, đến kỳ hội thứ 10 thì chấm dứt dây hội do chủ hội là bà T bị khởi tố về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các hội viên.

Bà E cho rằng chữ ký C3 và chữ viết họ tên Nguyễn Thị C3 tại giấy giao hội ngày 10/3/2021 âm lịch không phải là chữ ký và chữ viết họ tên của bà nhưng bà không yêu cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết họ tên của bà tại Giấy giao hội này. Tại phiên hòa giải ngày 07/8/2023 bà E thừa nhận còn nợ bà T 27 kỳ hội chết, mỗi kỳ hội chết là 2.000.000 đồng nên bà E có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 27 kỳ hội chết x 2.000.000 đồng/kỳ = 54.000.000 đồng là phù hợp quy định tại các Điều 16, Điều 17 và Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

Bà E xin trả vốn các kỳ 27 kỳ hội chết, mỗi kỳ 1.000.000 đồng là 27.000.000 đồng nhưng không được bà T đồng ý nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tổng số tiền nợ hai dây hội của bà E là 8.000.000 đồng + 54.000.000 đồng = 62.000.000 đồng. Bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà E trả số tiền

60.000.000 đồng, căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chỉ xem xét trong phạm vi yêu cầu này của bà T. Bà T tự nguyện cản trừ số tiền 2.000.000 đồng bà còn nợ bà E vào tổng số tiền nợ hui của bà E nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Theo Cáo trạng số 61/CT-VKSMT ngày 24/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho thì bà Phan Hải T đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm trong dây hui 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/01/2021 âm lịch. Bị hại được xác định trong dây hui này là những hui viên chưa được hốt hui do hành vi hốt hui không của bà T. Đối với bà E là hui viên đã hốt hui nên có trách nhiệm dân sự đối với bà T, không phải là bị hại trong vụ án hình sự. Hội đồng xét xử xác định trách nhiệm của bà E đối với bà T trong dây hui này được giải quyết riêng trong vụ án dân sự.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu được chấp nhận của nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 2.900.000 đồng.

[4] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 16, Điều 17, Điều 21 và Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Hải T.

Buộc bà Nguyễn Thị Cậy E có nghĩa vụ trả cho bà Phan Hải T tổng số tiền nợ hui là 58.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cậy E phải chịu 2.900.000 đồng (*Hai triệu chín*

trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phan Hải T, bà Nguyễn Thị Cậy E, bà Nguyễn Thị C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Hải P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP. Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP. Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Kiều